

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **191/2026/DS-PT**

Ngày 27/3/2026

V/v: *Kiện đòi tài sản*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Thông Kbuôr

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình và bà Lê Thị Thái Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Linh Chi - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 417/2025/TLPT-DS ngày 10/11/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 143/2026/QĐ-PT ngày 12/02/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thiệu Thị C, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn 7, xã E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị B, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn 7, xã E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Hồ Văn N, sinh năm 1953; địa chỉ: TDP 6, phường B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Xuân M; địa chỉ: Thôn 7, xã E, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Buôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Thiệu Thị C trình bày:

Ngày 05/4/2020 (âm lịch) tức là ngày 27/5/2020 (dương lịch), bà Trần Thị B có vay của vợ chồng tôi số tiền là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), hai bên

thỏa thuận lãi suất là 2%/ tháng với số tiền lãi là 600.000^d/tháng, thời hạn trả nợ vào ngày 30 tháng 11 năm 2020. Khi vay, bà B là người trực tiếp viết giấy vay tiền, với nội dung “Vay của vợ chồng tôi số tiền 30.000.000^d, hạn vào ngày 30/11 trả đầy đủ, tiền lãi mỗi tháng là 600.000^d”. Bà B viết giấy vay tiền tại nhà tôi và thời điểm vay tiền chỉ có vợ chồng tôi (tôi và chồng là ông Lê Xuân M) và bà B, ngoài ra thì không còn ai khác. Sau khi viết giấy vay tiền xong thì tôi giao đủ số tiền vay cho bà B. Khoản tiền vay này không liên quan gì đến bà Nguyễn Thị H vì bà H không có mặt tại thời điểm vay và cũng không nhận tiền vay của vợ chồng tôi.

Kể từ thời điểm vay đến nay, bà B chưa trả cho tôi được số tiền vay và số tiền lãi nào. Tôi có yêu cầu bà B trả nợ nhiều lần nhưng bà B đưa ra nhiều lý do và xin từ từ trả, do là hàng xóm láng giềng với nhau nên tôi không khởi kiện.

Vì vậy, tôi yêu cầu bà Trần Thị B phải trả cho vợ chồng tôi số tiền vay 30.000.000^d và tiền lãi từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất theo Ngân hàng là 0,7%/ tháng.

- Tại bản tự khai ngày 23/7/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị B và người đại diện theo ủy quyền ông Hồ Văn N trình bày:

Bà Nguyễn Thị H là giáo viên dạy cùng trường với bà B, có đặt vấn đề vay của bà B số tiền 30.000.000^d để giải quyết công việc gia đình, nhưng bà B không có tiền nên giới thiệu bà Thiệu Thị C là người hàng xóm có tiền cho vay.

Ngày 27/5/2020, bà B và bà H có đến nhà bà C gặp ông M và bà C. Bà H có đặt vấn đề vay của vợ chồng bà C số tiền 30.000.000^d, ông M đồng ý cho vay nhưng với điều kiện là bà B phải viết giấy vay tiền bởi vì vợ chồng bà C chỉ tin tưởng bà B là người hàng xóm, còn bà H thì không quen biết nên không tin tưởng. Bà B đồng ý nên trực tiếp viết giấy vay tiền với nội dung “Trần Thị B có vay của bà Thiệu Thị C và ông Lê Xuân M số tiền vay 30.000.000^d, tiền lãi là 600.000^d/tháng, thời hạn trả nợ vào ngày 30/11/2020 và ký, ghi họ tên Trần Thị B dưới phần người vay tiền.

Sau khi viết giấy vay tiền xong thì bà C là người trực tiếp giao tiền cho bà H, việc viết giấy vay tiền và nhận tiền tại nhà ông M, bà C. Tại thời điểm này, có ông M, bà C, bà H và bà B. Sở dĩ không yêu cầu bà H ký vào giấy vay tiền là bởi vì do vợ chồng bà C không tin tưởng bà H nên chỉ yêu cầu bà B viết và ký tên là đủ.

Đến tháng 10/2020, bà H nói với bà B là đã thanh toán đủ số tiền vay và tiền lãi cho bà C nên yêu cầu bà B sang nhà bà C để hủy giấy vay tiền do bà B viết vào ngày 27/5/2020. Vì tin tưởng là người hàng xóm với nhau nên bà B không yêu cầu bà C hủy giấy vay tiền, kể từ thời điểm đó đến ngày 17/7/2025 là ngày nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án thì bà C hoàn toàn không nói gì với bà B về số tiền vay nêu trên.

Mặc dù, không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về việc bà H đã trả tiền vay và lãi cho bà C. Tuy nhiên, kể từ thời điểm vay đến ngày 17/7/2025 bà C không yêu cầu bà B và bà H trả nợ. Ngoài ra, ngày 18/10/2022 bà B còn cho con

traị bà C ông M là Lê Xuân K vay số tiền 20.000.000^d, không thỏa thuận tiền lãi và tháng 4/2023, bà B còn cho bà C vay 200.000.000^d để bà C đáo hạn khoản nợ vay của Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh E. Sau khi, đáo hạn xong thì bà C trả đủ 200.000.000^d cho bà B, nếu bà B có nợ 30.000.000^d nêu trên thì bà C pM yêu cầu khấu trừ mới đúng.

Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thiệu Thị C về việc buộc bà B pM trả số tiền vay là 30.000.000^d và tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận từ thời điểm vay đến nay. Bởi đây là khoản tiền bà H vay của vợ chồng bà C và bà H đã thanh toán đủ tiền vay và tiền lãi. Tại phiên tòa, phía bị đơn không đồng ý yêu cầu tính lãi, do thời hiệu khởi kiện đã hết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/7/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Xuân M trình bày:

Vào ngày 27/5/2020, bà Trần Thị B có vay của vợ chồng tôi số tiền là 30.000.000^d (ba mươi triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất là 2%/ tháng với số tiền lãi là 600.000^d/tháng, thời hạn trả nợ do vợ tôi là bà C và bà B thỏa thuận với nhau. Khi vay bà B là người trực tiếp viết giấy vay tiền, ngay sau khi viết giấy vay tiền xong thì bà C giao đủ số tiền vay cho bà B tại nhà tôi. Tại thời điểm vay, chỉ có vợ chồng tôi và bà B, ngoài ra không còn ai khác. Tôi không biết bà Nguyễn Thị H và cũng không cho bà H vay tiền. Bà Trần Thị B chưa trả tiền vay và tiền lãi cho vợ chồng tôi.

Vì vậy, tôi yêu cầu bà Trần Thị B phải trả số tiền vay 30.000.000^d và tiền lãi theo yêu cầu như bà C trình bày tại phiên tòa.

- Tại bản trình bày và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Vào tháng 5 năm 2020, do có công việc cần tiền nên tôi có hỏi bà Trần Thị B là giáo viên dạy cùng trường để vay số tiền 30.000.000^d nhưng bà B nói không có tiền và bà B nói để hỏi người hàng xóm thường xuyên cho vay lấy lãi.

Ngày 27/5/2020, bà B có dẫn tôi đến nhà bà Thiệu Thị C để vay tiền, do không biết tôi nên ông M, bà C yêu cầu bà B phải đứng tên vay giúp và bà B đồng ý, sau đó ông M đọc cho bà B viết giấy vay tiền với nội dung “*Trần Thị B có vay của bà Thiệu Thị C và ông Lê Xuân M số tiền vay 30.000.000^d, tiền lãi là 600.000^d/tháng, thời hạn vào ngày 30/11 trả đầy đủ*”.

Sau khi bà B viết giấy xong thì tôi là người trực tiếp nhận tiền vay từ bà C số tiền vay 30.000.000^d (ba mươi triệu đồng). Hàng tháng, tôi đều trả tiền lãi cho bà C số tiền 600.000^d B tiền mặt, tổng tiền lãi đã thanh toán từ tháng 6 đến tháng 9/2020 là 2.400.000^d, các lần trả tiền lãi đều không viết giấy tờ gì và chỉ có tôi và bà C, ngoài ra không có ai khác.

Vào khoảng thời gian từ ngày 15/10 đến ngày 20/10/2020 (không nhớ rõ ngày), tôi đã trả cho bà C số tiền vay 30.000.000^d và tiền lãi là 500.000^d, số dĩ chỉ trả lãi số tiền 500.000^d là do trả trước ngày theo thỏa thuận. Khi trả số tiền vay và

tiền lãi này thì không có viết giấy tờ gì và tôi cũng không yêu cầu bà C phải hủy giấy vay tiền, bởi vì tôi tin tưởng về mối quan hệ giữa bà C và bà B, tại thời điểm đó rất thân nhau. Tuy nhiên, sau khi trả nợ xong cho bà C thì tôi có nói với bà B là đã trả đủ số tiền vay và tiền lãi là 30.500.000^d, sang gặp bà C để hủy giấy vay tiền, bà B đồng ý. Từ thời điểm đó đến nay, bà B và bà C đều không nói với tôi về số tiền vay nêu trên.

Do đó, tôi không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà C đối với bà B. Bởi vì đây là số tiền bà B vay cho tôi, tôi là người nhận tiền vay từ bà C và tôi đã trả số tiền vay và lãi đầy đủ cho bà C.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 41/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 155, Điều 166, Điều 429 Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 4 Điều 15, khoản 1 và khoản 4 Điều 26, điểm c tiểu mục 1.3 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Buộc bị đơn bà Trần Thị B phải trả cho bà Thiệu Thị C, ông Lê Xuân M số tiền là 30.000.000^d (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bị đơn bà Trần Thị B còn phải trả cho bà Thiệu Thị C, ông Lê Xuân M khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thiệu Thị C đối với số tiền lãi là 13.636.000^d (mười ba triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 13/10/2025, bị đơn bà Trần Thị B kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại cấp phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị B - Giữ nguyên Bản án

dân sự sơ thẩm số 41/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị B kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng, thấy rằng:

Nguyên đơn bà Thiệu Thị C khởi kiện và xuất trình bản gốc giấy vay tiền ngày 27/5/2020, nội dung: “*Hôm nay, ngày 05/4 nhuận nhằm ngày 27/5/2020 tôi có vay của ông bà Lê Xuân M, Thiệu Thị C số tiền 30.000.000^d, hẹn vào ngày 30/11 trả đầy đủ, tiền lãi mỗi tháng 600.000^d, có gì sai trái tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm*”. Dưới mục người viết giấy có chữ ký và chữ viết Trần Thị B.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị B thừa nhận giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp do bà lập, chữ ký và chữ viết Trần Thị B dưới mục người viết giấy đúng là chữ ký, chữ viết của bà. Như vậy, việc vay mượn giữa các bên là có thật.

Bị đơn bà B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H cho rằng khoản vay trên là của bà H, bà B chỉ đứng ra vay giúp, do vợ chồng bà C, ông M không biết bà H là ai nên yêu cầu bà B phải đứng ra viết giấy vay mượn tiền thì mới cho vay, bà H là người trực tiếp nhận tiền vay từ bà C; tuy nhiên nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh, không được nguyên đơn thừa nhận, giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp cũng chỉ thể hiện người vay là bà B. Mặt khác, bà B cũng thừa nhận do bà C không quen biết bà H nên yêu cầu bà B phải viết giấy vay tiền thì mới cho vay. Do đó, bà B trực tiếp ký vào hợp đồng vay thì phải chịu trách nhiệm trả nợ.

Đối với việc trả nợ gốc: Bị đơn cho rằng đã trả nợ vào tháng 10/2020 nhưng không cung cấp được tài liệu chứng minh, không được nguyên đơn thừa nhận nên không có căn cứ để chấp nhận lời khai nại trên. Việc bị đơn cho rằng ngày 18/10/2022 có cho con trai của nguyên đơn là anh Lê Xuân K vay số tiền 20.000.000^d, và tháng 4/2023 cho nguyên đơn vay 200.000.000^d để đáo hạn khoản nợ vay của Ngân hàng mà nguyên đơn không yêu cầu cản trừ nợ chứng minh việc bị đơn đã trả nợ xong cho khoản vay ngày 27/5/2020, thấy rằng đây là các khoản vay độc lập, không liên quan đến khoản vay đang tranh chấp giữa các bên nên

không có căn cứ để xem xét, bị đơn có quyền khởi kiện thành vụ án riêng khi có căn cứ yêu cầu.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C về việc buộc bà B phải có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc số tiền 30.000.000 đồng là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn về việc trả nợ gốc, thấy rằng: Tại cấp phúc thẩm bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Như đã phân tích và nhận định ở mục [2] không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn

[2.3] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn với số tiền 13.636.000 đồng, thấy rằng: Khoản vay ngày 27/5/2020 xác định thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 30/11/2020; đến ngày 02/7/2025 nguyên đơn mới khởi kiện là đã quá thời hạn 03 năm theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu, do đó căn cứ điểm e khoản 1 Điều 217 và khoản 2 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu tính lãi do hết thời hiệu khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu đối với số tiền lãi là chưa chính xác. Đối với nội dung này các bên đương sự không kháng cáo, không bị kháng nghị nhưng xét thấy cần sửa lại phần tuyên án cho phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn pM chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị B

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 41/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắc Lắc về phần tuyên án.

[2] Áp dụng khoản 2 Điều 26, điểm e khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 184, khoản 3 Điều 218 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 155, Điều 166, Điều 149, Điều 429, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thiều Thị C.

[2.1]. Buộc bị đơn bà Trần Thị B phải trả cho bà Thiều Thị C, ông Lê Xuân M số tiền là 30.000.000^d (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bị đơn bà Trần Thị B còn phải trả cho bà Thiều Thị C, ông Lê Xuân M khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[2.2]. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thiều Thị C đối với số tiền lãi là 13.636.000^d (mười ba triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

[2.3] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bị đơn bà Trần Thị B phải chịu 1.500.000^d (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Thiều Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

- Án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Trần Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002560 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Y Thông Kbuôr